TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **05** /2018/DSST
Ngày: 12/3/2018
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Bảo**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Cao Thị Hồng Châu;
2/ Ông Trương Minh Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Trung**; chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên toà: **Bà Hoàng Thị Bích Thảo**; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 167/ 2017/ DSST ngày 14/7/2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX- ST ngày 25/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Trọng D** – Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đắc Hà T, xã CD, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.
- Bị đơn: **Ông Đào Văn T, bà Lê Thị N** - Vắng mặt.
Nơi ĐKHKTT: Thôn Đắc Hà T, xã CD, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở hiện nay: Thôn VX, xã QK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền của ông T: **Bà Nguyễn Thị Ngọc M** - Có mặt.
Địa chỉ: 361 Hùng V, phường AL, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

- Người liên quan:
1/ **Ông Lê Ngọc D**, **bà Phan Thị H** - Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Đắc Hà T, xã CD, huyện CM, tỉnh Đăk Lăk.

2/ **Ông Võ Văn Th**, **bà Nguyễn Thị H** - Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Đắc Hà T, xã CD, huyện CM, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày**: Ông Nguyễn Trọng D với ông Đào Văn T, bà Lê Thị N (gọi tắt là vợ chồng ông T) là người cùng thôn, quen biết nhau. Ngày 02/6/2014, ông D cho vợ chồng ông T vay

185.900.000đ, thời hạn trả nợ vào ngày 02/11/2014, trong thời hạn vay không tính tiền lãi suất, nếu bên nào vi phạm hợp đồng, chiếm dụng hoặc thanh toán chậm trễ gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu lãi suất 0,2%/ngày và chịu phạt 12% giá trị hợp đồng do không thực hiện đúng. Ngoài ra, vợ chồng ông T thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X782806 đối với thửa đất số 119 tờ bản đồ số 17 diện tích 3.820m^2 cấp cho ông Lê Ngọc D.

Khi cho vay các bên xác lập "Giấy vay tiền" ngày 02/6/2014 với nội dung thỏa thuận như trên, phía dưới giấy vay tiền tại phần người vay có chữ ký chữ viết mang tên Đào Văn T là do ông Thủy viết, ký nhận; có chữ ký chữ viết mang tên Lê Thị N là do bà N viết, ký nhận.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông T không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Đào Văn T, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền **321.499.000**đ, trong đó 185.900.000đ tiền gốc và 135.599.000đ lãi suất.

Về cách tính lãi suất, ông D tính lãi 20%/năm, cụ thể:

Từ ngày 02/11/2014 đến 02/11/2015: 185.900.000đ x 20% = 37.180.000đ;

Từ ngày 02/11/2015 đến ngày 02/11/2016: (185.900.000đ + 37.180.000đ) (tiền lãi của năm 2015) x 20% = 44.616.000đ;

Từ ngày 02/11/2016 đến 02/11/2017: (185.900.000đ + 37.180.000đ + 44.616.000đ) x 20% : 12 x 12 tháng = 53.529.000đ.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất buộc vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng D: **321.499.000**đ.

*** Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đào Văn T, bà Lê Thị N** (gọi tắt là vợ chồng ông T) trình bày: Tháng 5/2012, vợ chồng ông T đứng tên vay của ông Nguyễn Trọng D số tiền 60.000.000đ cho ông Võ Văn Th. Khi vay thỏa thuận lãi suất tính theo ngày 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Kể từ thời điểm vay, sau ba tháng ông D tính tiền lãi suất phát sinh rồi cộng vào tiền gốc, viết lại giấy vay tiền và tính tiền lãi suất theo lãi mẹ đẻ lãi con. Đến hạn nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông T xin khuất và không thực hiện nghĩa vụ, là do ông Th chưa trả tiền cho vợ chồng ông T. Ngày 02/6/2014, ông D đã cộng hết các khoản tiền gốc và lãi, cụ thể số tiền nợ gốc vay 60.000.000đ cộng tiền lãi suất, tổng cộng số tiền vay là 185.900.000đ và yêu cầu vợ chồng ông T ký nhận khoản tiền vay trên. Do vậy, vợ chồng ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D và chỉ chấp nhận trả 60.000.000đ tiền nợ gốc.

*** Người liên quan ông Lê Ngọc D, bà Phan Thị H** (gọi tắt là vợ chồng bà H) trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 782806, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.820 m^2 được cấp cho Lê Ngọc D là tài sản chung của vợ chồng bà Hương. Trước đây, ông Lê Ngọc D cho ông Võ Văn Th mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để làm tin vay vốn, còn ông Th đã dùng giấy chứng nhận cầm cố, thế chấp cho ai vợ chồng bà H không biết. Vợ chồng bà H không biết việc

ông Nguyễn Trọng D cho vợ chồng ông T vay tiền và việc vợ chồng ông T thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để vay tiền của ông D vào ngày 02/6/2014.

Vợ chồng bà H cho ông Võ Văn Th mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện tại ông Nguyễn Trọng D đang cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, vợ chồng bà H không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc nên vợ chồng bà H xin từ chối tham gia tố tụng.

* **Người liên quan ông Võ Văn Th** trình bày: Năm 2012, ông Th có nhu cầu vay tiền nên đã hỏi vay của ông Nguyễn Trọng D nhưng ông D không cho vay, do vậy ông Th đã nhờ vợ chồng ông T vay giúp số tiền 60.000.000đ của ông Nguyễn Trọng D. Ông Th mượn của vợ chồng ông Lê Ngọc D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 782806 nêu trên để đưa cho vợ chồng ông T thế chấp vay tiền của ông D. Số tiền ông Nguyễn Trọng D khởi kiện đối với vợ chồng ông T, vợ chồng ông T có trách nhiệm với ông D, còn ông Th có trách nhiệm với vợ chồng ông T, vì ông Th không vay tiền của ông D, sau khi vợ chồng ông T vay tiền của ông D thì cho ông Th vay lại, lý do công việc nên ông Th từ chối tham gia tố tụng.

* **Người liên quan bà Nguyễn Thị H** trình bày: Bà là vợ của ông Võ Văn Th, bà không biết và không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông T, ông Nguyễn Trọng D và ông Võ Văn Th, vì lý do công việc nên bà từ chối tham gia tố tụng.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về việc giao Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 196, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tối tụng khác đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Đào Văn T, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng D số tiền tiền **248.380.000**đ, trong đó tiền nợ gốc là 185.900.000đ và tiền lãi suất là 62.480.000đ. Ngoài ra, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Bà Lê Thị N là đồng bị đơn mặc dù được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nhưng lẩn tránh, không hợp tác, về sau bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Lê Ngọc D, bà Phan Thị H, ông Võ Văn Th và bà Nguyễn Thị H xin từ chối tham gia tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị N, ông Lê Ngọc D, bà Phan Thị H, ông Võ Văn Th và bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là " Giấy vay tiền" xác lập ngày 02/6/2014 giữa ông Nguyễn Trọng D với ông Đào Văn T, bà Lê Thị N thể hiện ông D đã cho vợ chồng ông T vay **185.900.000**đ, thời hạn vay đến ngày 02/11/2014, các bên thỏa thuận không tính lãi suất trong thời gian vay.

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông T cho rằng số tiền 185.000.000đ ghi nhận trong Giấy vay tiền nêu trên không phải là số tiền nợ gốc, thực tế tháng 5/2012 vợ chồng ông T vay 60.000.000đ nợ gốc của ông Nguyễn Trọng D, các bên thỏa thuận lãi suất phát sinh 2.000đ/1.000.000đ/ngày, cứ sau ba tháng ông D lại cộng nợ gốc với tiền lãi suất phát sinh thành khoản vay mới và yêu cầu vợ chồng ông T viết lại giấy vay tiền, do không có khả năng trả nợ nên ngày 02/6/2014 ông Nguyễn Trọng D cộng lại thành 185.900.000đ, trong đó có 60.000.000đ tiền nợ gốc, còn lại là tiền lãi suất. Ông Võ Văn Th khai nhận năm 2012, ông Th nhờ vợ chồng ông T vay giúp số tiền 60.000.000đ của ông Nguyễn Trọng D.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của vợ chồng ông T, của ông Th không được nguyên đơn thừa nhận và vợ chồng ông T, ông Th cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh lời khai của mình là chính xác, có căn cứ. Hơn nữa, khi Tòa án tiến hành đối chất nhưng vợ chồng ông T lẩn tránh, không hợp tác nên lời khai của vợ chồng ông T, ông Th không có căn cứ để chấp nhận.

Mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng thời gian đầu bà Lê Thị N lẩn tránh, không hợp tác. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký chữ viết đứng tên "Lê Thị N" trong "Giấy vay tiền" lập ngày 02/6/2014. Tại bản Kết luận giám định số: 76/PC54 ngày 09/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký chữ viết mang tên Lê Thị N trong "Giấy vay tiền" lập ngày 02/6/2014 là do bà Lê Thị N ký, viết.

Vậy, có đủ căn cứ để xác định ngày 02/6/2014 ông Nguyễn Trọng D cho vợ chồng ông T vay 185.900.000đ, như vậy giữa các bên đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Đến thời hạn trả nợ, vợ chồng ông T xin khuất, kéo dài thời gian trả nợ và không thực hiện là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 185.900.000đ cho ông Nguyễn Trọng D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tiền lãi suất phát sinh: Ông Nguyễn Trọng D yêu cầu vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả tiền lãi suất với mức lãi suất 20%/năm, tiền lãi hàng năm được cộng vào tiền gốc sau đó tiếp tục tính lãi, tổng số tiền lãi ông D tính đến ngày 02/11/2017 là **135.599.000**đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn tính tiền lãi suất phát sinh hàng năm với tiền gốc và sau đó tiếp tục tính lãi trên nợ gốc với tiền lãi là không phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, vợ chồng ông Thủy khai nhận khi vay tiền các bên thỏa thuận tiền lãi suất với mức 2.000đ/ngày/1.000.000đ, sau ba tháng ông Nguyễn Trọng D cộng lãi vào gốc, rồi tiếp tục tính tiền lãi suất, như vậy giữa các bên không thống

nhất với nhau về mức lãi suất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá mức giới hạn 20%/năm của khoản tiền vay. Tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định trong trường hợp các bên không xác định được mức lãi suất thì mức lãi suất được xác định 10%/năm, mức lãi suất này được áp dụng để giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng D là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả tiền lãi suất cho ông Nguyễn Trọng D cụ thể: 185.900.000đ x 10% x 40 tháng 10 ngày (từ ngày 02/11/2014 đến ngày 12/3/2018) = 62.480.000đ. Như vậy, tổng số tiền buộc vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng D là 248.380.000đ, trong đó tiền nợ gốc là 185.900.000đ và tiền lãi suất là 62.480.000đ.

Về án phí và các khoản chi phí tố tụng: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc vợ chồng ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên ông Nguyễn Trọng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 6; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147; Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463; Điều 464; khoản 1 khoản 4 Điều 466; khoản 1 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng D: Buộc ông vợ chồng ông Đào Văn T, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng D số tiền **248.380.000**đ (Hai trăm bốn tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 185.900.000đ và tiền lãi suất là 62.480.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng D về việc buộc vợ chồng ông Đào Văn T, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả tiền lãi suất phát sinh, cụ thể: **135.599.000**đ - **62.480.000**đ = **73.119.000**đ.

3/ Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Vợ chồng ông Đào Văn T, bà Lê Thị N chịu 12.419.000đ án phí dân sự sơ thẩm và có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng D số tiền chi phí giám định tài liệu **4.680.000**đ.

Ông Nguyễn Trọng D phải chịu **3.655.950**đ án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 7.750.000đ mà ông Dũng nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0042509 ngày 11/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng D số tiền tạm ứng án phí còn lại là **4.094.050**đ.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

<u>Nơi nhận:</u>
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Đương sự;
- . . . . . ;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Quốc Bảo